



BÁO CÁO TRIỂN VỌNG VĨ MÔ QUÝ 4/2025

BÁM SÁT MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG



- **Tăng trưởng kinh tế Q3 bám sát mục tiêu tăng trưởng** dù thuế quan mới có hiệu lực từ 01/08/2025. Điều này có được nhờ sự bền bỉ trong tăng trưởng của khu vực sản xuất và xuất khẩu (được dẫn dắt bởi khu vực FDI), sự ổn định của đầu tư và tiêu dùng tư nhân và đóng góp từ tăng trưởng đầu tư công. Điểm nổi bật của tăng trưởng Q3 còn có sự phục hồi của ngành khai khoáng và đóng góp nhiều hơn của lĩnh vực khác vào tăng trưởng chung.
- **Sự lệch pha trong tăng trưởng của khu vực FDI và trong nước dường như cho thấy tác động của thuế quan Mỹ lên khu vực FDI là tích cực do** nhu cầu của thị trường Mỹ vẫn duy trì và việc dịch chuyển thương mại nhằm né mức thuế cao của Trung Quốc tiếp diễn khi chưa có động thái mới nào từ phía Mỹ liên quan đến xác định hàng chuyển tải.
- **Đầu tư của khu vực nhà nước dẫn dắt tăng trưởng trong khi đầu tư tư nhân vẫn còn có khoảng cách khá xa so với kỳ vọng của Chính phủ.** Mặc dù vậy, việc đạt được mục tiêu giải ngân 100% vốn TTg giao trong Q4 là khá thách thức khi các khó khăn mới xuất hiện từ Q3 liên quan đến việc sắp xếp lại chính quyền địa phương 2 cấp và thiên tai ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân.
- **Việc duy trì được khả năng thu hút vốn và giải ngân FDI trong bối cảnh thương chiến là một điểm thú vị.** Nguyên nhân như đã chỉ ra ở trên là chính sách thuế quan của Mỹ đang mang lại lợi ích cho xuất khẩu của khu vực này, tuy nhiên rủi ro khá rõ ràng nếu nhu cầu từ thị trường Mỹ suy giảm hoặc Mỹ siết chặt vấn đề hàng chuyển tải. Bởi lẽ này, vốn FDI duy trì chứ không tăng trưởng ở lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.
- **Tín dụng mở rộng nhanh cùng với tăng trưởng GDP, nhưng không có một sự tăng tốc đồng đều ở các nhóm ngành.** Cùng với đó, việc các kênh tài sản như vàng, bất động sản, chứng khoán tăng giá nhanh trở thành điểm nóng của bức tranh kinh tế. May mắn là, lạm phát và tỷ giá đang được kiểm soát nhờ các yếu tố khách quan (cơ cấu lạm phát chịu ảnh hưởng nhiều hơn ở phía cung, đồng USD yếu..). Ngoài ra, một số can thiệp của nhà nước cũng đang giúp trì hoãn/giảm bớt áp lực tỷ giá trong ngắn hạn.
- Hiện tại, **Chính phủ vẫn đang duy trì mục tiêu tăng trưởng cao cho các tháng cuối năm và năm 2026.** Chúng tôi cho rằng mục tiêu tăng trưởng 8,0% trong năm 2025 là khả thi dựa trên kết quả của 9T2025. Tuy nhiên, nền kinh tế cần có những cải cách triệt để về cơ cấu để hướng đến mục tiêu tăng trưởng 10% trong năm sau.

Các chỉ tiêu vĩ mô 9T2025 so với kế hoạch

	Mục tiêu 2025 (mới)	Thực hiện 2024	Thực hiện Q1/25	Thực hiện Q2/25	Thực hiện Q3/25	Thực hiện 6T25	Thực hiện 9T25
Tăng trưởng GDP	8,3-8,5%	7,1%	7,1%	8,2%	8,2%	7,5%	7,9%
- Nông, lâm thủy sản	3,9%	3,3%	3,8%	4,0%	3,7%	3,8%	3,8%
- Công nghiệp và xây dựng	9,8-10,1%	8,2%	7,6%	8,8%	9,5%	8,3%	8,7%
- Dịch vụ	8,5-8,6%	7,4%	7,8%	9,1%	8,6%	8,1%	8,5%
- Thuế và trợ cấp	6,4-6,7%	5,7%	5,0%	6,0%	6,6%	5,4%	5,9%
Chỉ số sản xuất công nghiệp	9,5%	8,4%	8,3%	9,3%	10,0%	9,2%	9,1%
Doanh số bán lẻ hàng hoá và dịch vụ	12,0%	9,0%	9,5%	9,0%	10,1%	9,3%	9,5%
Kim ngạch xuất nhập khẩu ¹	12,0%	15,4%	13,8%	19,8%	19,3%	16,6%	17,5%
Thặng dư thương mại (tỷ \$)	30	25	3,2	4,5	8,9	7,7	16,8
Điện sản xuất	12,5-13,0%	10,1%	5,0%	2,7%	8,8%	3,7%	5,5%
Đầu tư công ²	31,2%	-4,6%	21,8%	25,9%	32,5%	24,2%	27,8%
Đầu tư tư nhân	14,3%	7,7%	5,5%	8,9%	8,2%	7,5%	7,8%
FDI	9,3%	9,4%	7,1%	8,8%	9,0%	8,1%	8,5%
Lạm phát	< 4,5%	3,6%	3,2%	3,3%	3,3%	3,3%	3,3%
Tín dụng ³	> 16,0%	15,1%	17,9%	19,2%	19,6%	19,2%	19,6%
Tỷ giá USDVND ⁴	na	25.551	25.740	26.300	26.446	26.300	26.446

Nguồn: TCTK, NHNN, CTCK Rong Việt, ¹ xuất khẩu tăng trưởng 16,4% và nhập khẩu tăng 18,8% so với cùng kỳ trong 9T2025. ² ước tính của TCTK về vốn đầu tư thực hiện từ NSNN. Theo BTC, giải ngân vốn đầu tư công tính đến cuối tháng 9/2025 đạt hơn 481 nghìn tỷ đồng, tăng 48,1% so với cùng kỳ. ³ lũy kế tính đến cuối quý, tháng. ⁴ tỷ giá bán của VCB, cuối quý, cuối tháng và cuối năm.

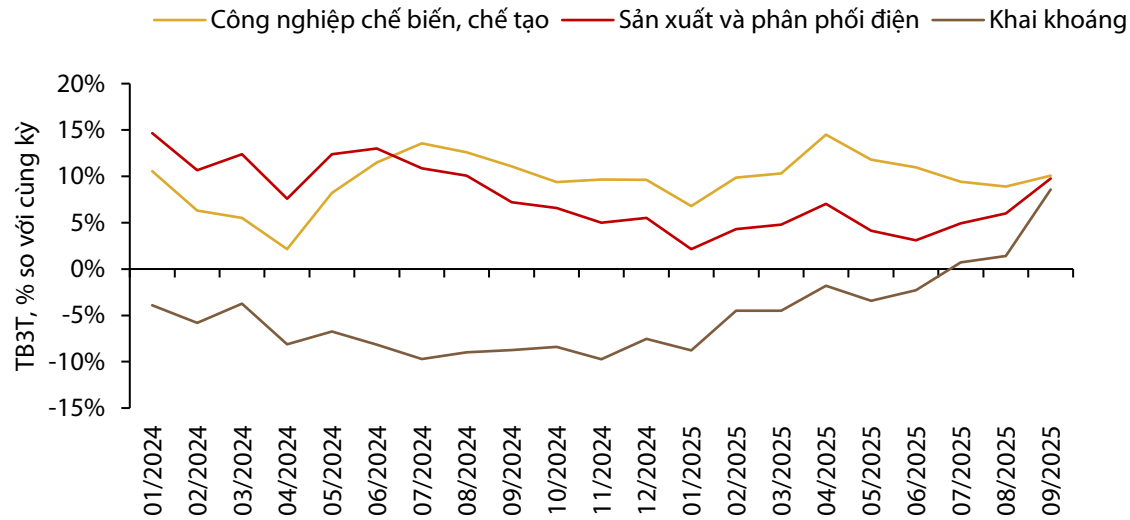
- Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong Q3/2025 đạt 8,23% so với cùng kỳ**, cao hơn mức tăng đã điều chỉnh là 8,19% của Q2/2025. Đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2007 nếu không xét đến mức tăng đột biến do phục hồi sau Covid-19 vào Q3/2022.
- Động lực tăng trưởng đến lĩnh vực sản xuất công nghiệp vẫn duy trì (+10,0% so với cùng kỳ, đóng góp 2,4 điểm % vào mức tăng chung). Ngoài ra, điểm nổi bật của tăng trưởng kinh tế Q3 là sự phục hồi của lĩnh vực khai khoáng (+7,8% so với cùng kỳ) và sự tăng tốc trong lĩnh vực khác (+8,6% so với cùng kỳ), hai yếu tố này góp thêm 2,6 điểm % vào tăng trưởng chung, cao hơn mức đóng góp 2,1 điểm % trong năm 2024.
- Lĩnh vực bán lẻ ghi nhận mức tăng 9,0% so với cùng kỳ, cao hơn nửa đầu năm. Hoạt động vận tải và dịch vụ lưu trú/ăn uống tăng tích cực hơn (đều trên 10%) cũng là điểm đáng chú ý. Nhóm dịch vụ bán lẻ, vận tải, ăn uống đóng góp 1,7 điểm % vào tăng trưởng GDP.
- Về đầu tư công, cấu phần xây dựng trong GDP cho thấy tăng trưởng trong Q3 chậm lại so với quý trước, đạt 7,9% so với cùng kỳ, thấp hơn đáng kể so với mức tăng 9,3% trong Q1 và 10,9% trong Q2. Điều này cũng phù hợp với diễn biến giải ngân đầu tư công chậm lại trong Q3.

GDP Việt Nam theo một số ngành kinh tế

	3Q24	4Q24	1Q25	2Q25	3Q25	3Q24	4Q24	1Q25	2Q25	3Q25
	% so với cùng kỳ					% đóng góp vào tăng trưởng				
Tăng trưởng kinh tế	7,4	7,6	7,0	8,2	8,2	7,4	7,6	7,0	8,2	8,2
Nông nghiệp	2,9	3,0	3,8	4,0	3,7	0,3	0,3	0,4	0,4	0,4
Khai khoáng	(8,7)	(6,5)	(6,2)	(2,6)	7,8	(0,2)	(0,1)	(0,2)	(0,1)	0,2
Sản xuất công nghiệp	11,3	10,0	9,4	10,3	10,0	2,7	2,4	2,1	2,4	2,4
Xây dựng	7,4	8,3	9,3	10,9	7,9	0,5	0,6	0,5	0,7	0,6
Bán lẻ	8,0	9,0	7,4	8,5	9,0	0,7	0,8	0,7	0,8	0,8
Vận tải	9,9	10,0	10,4	11,0	10,7	0,5	0,5	0,6	0,7	0,6
Lưu trú & ăn uống	9,0	10,3	10,2	9,7	10,5	0,2	0,2	0,3	0,2	0,3
Dịch vụ tài chính	7,7	9,3	6,3	7,1	7,7	0,4	0,5	0,3	0,4	0,4
Bất động sản	3,9	4,8	4,4	4,4	5,2	0,1	0,2	0,1	0,1	0,2
Khác	7,8	8,2	7,3	10,0	8,6	2,1	2,1	2,1	2,5	2,4

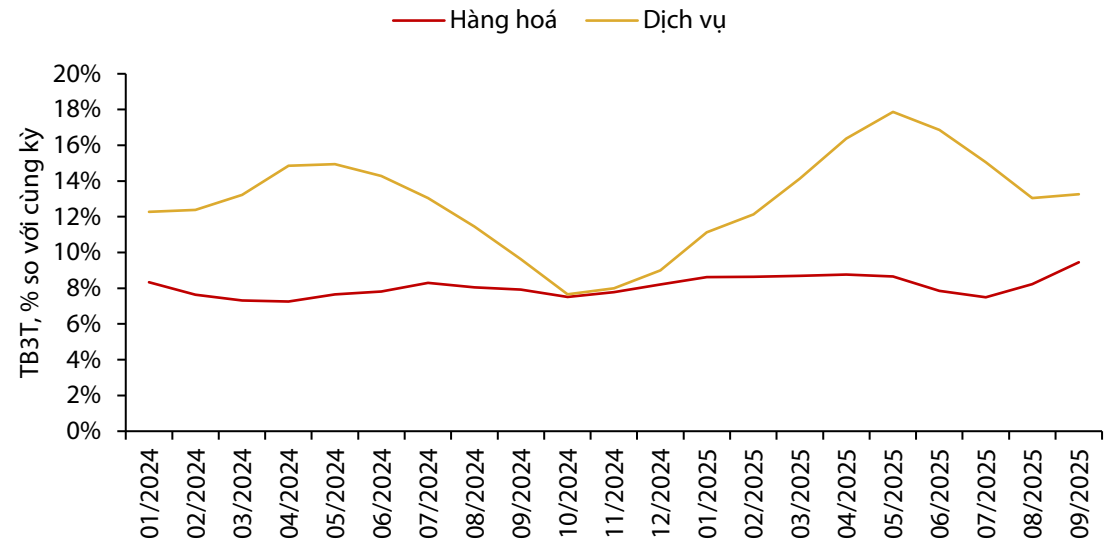
Nguồn: TCTK, CTCK Rông Việt

Tăng trưởng chỉ số sản xuất



Nguồn: TCTK, CTCK Rồng Việt

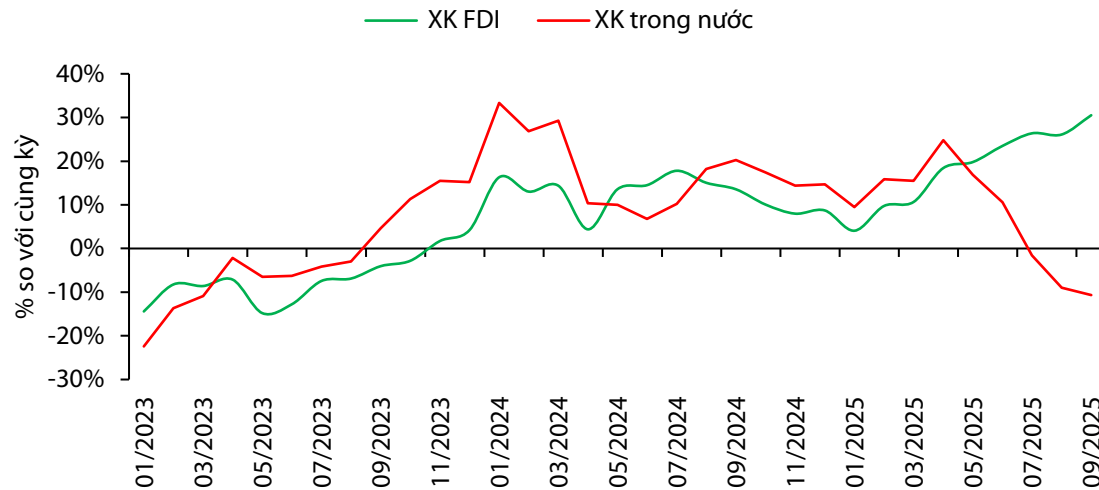
Tăng trưởng doanh số bán lẻ



Nguồn: TCTK, CTCK Rồng Việt

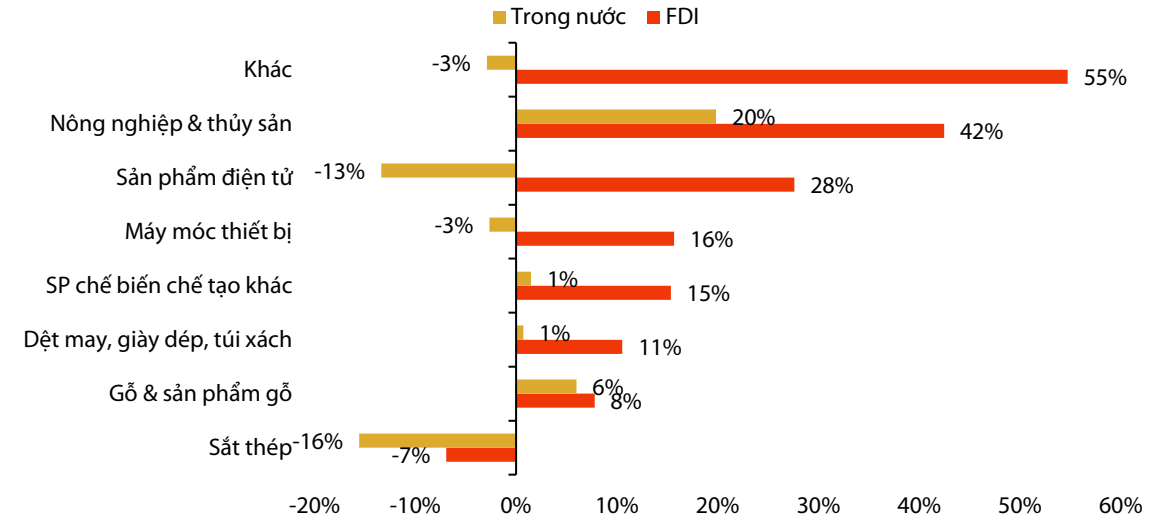
- Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9/2025 tăng đột biến**, 13,6% so với cùng kỳ nhờ lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo đạt được mức tăng khá cao (+12,7%), cùng với sản xuất điện tăng 15,4%. Ngoài ra, đáng chú ý hơn là sự phục hồi mạnh của ngành công nghiệp khai khoáng, cụ thể là khai thác than (+63% so với cùng kỳ).
- Nhờ sự bứt tốc trong tháng 9 mà **hoạt động sản xuất quý sau ghi nhận mức tăng cao hơn quý trước**, tăng trưởng trong Q3 là 10%, cao hơn Q2 là 9,3% và Q1 là 8,3%. Điều này không giống như quan ngại của chúng tôi về tác động của thuế quan, sẽ được phân tích thêm ở đánh giá xu hướng xuất khẩu trong Phần tiếp theo: Tác động của thuế quan Mỹ lên thương mại Việt Nam trong 9T2025.
- Ở khía cạnh tiêu dùng, tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hoá tháng 9 cải thiện so với tháng trước, tăng 10,4% so với cùng kỳ, tương tự, doanh số bán lẻ dịch vụ cũng tăng tốt (+14,1%). Nhờ đó, kinh tế Q3/2025 đạt được mức tăng trưởng cao.

Tăng trưởng xuất khẩu theo khu vực



Nguồn: TCHQ, CTCK Rồng Việt

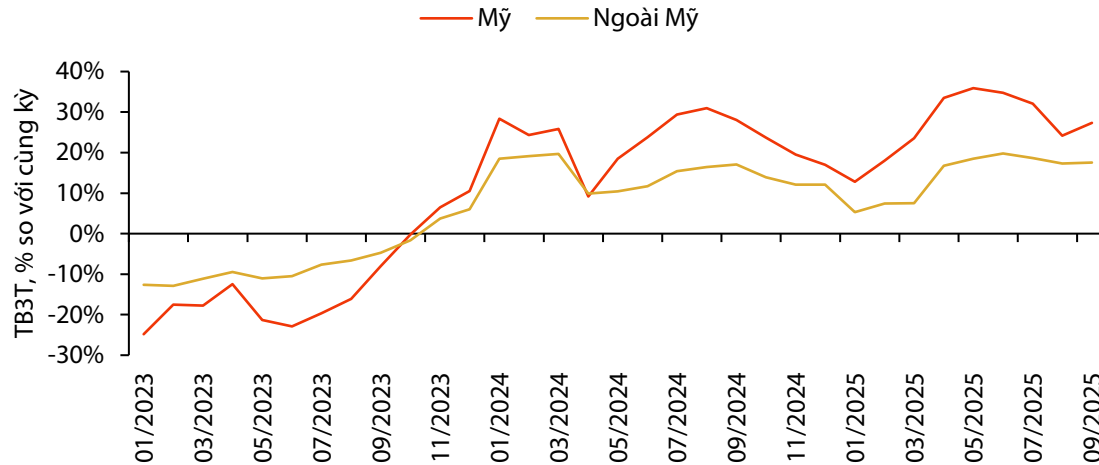
Tăng trưởng xuất khẩu theo mặt hàng



Nguồn: TCHQ, CTCK Rồng Việt

- **Từ tháng 4/2025 đến nay đã có sự lệch pha nhất định trong xu hướng xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước và khối FDI.** Cụ thể, tăng trưởng xuất khẩu của khối FDI liên tục mở rộng, lũy kế 9T2025 tăng 21,6% so với cùng kỳ. Trái lại, tăng trưởng xuất khẩu của khối DN trong nước đảo chiều và bắt đầu tăng trưởng âm từ tháng 6, lũy kế 9T2025 chỉ tăng 3,7%.
- **Sự phân hoá trong tăng trưởng của khối FDI và trong nước** đặc biệt rõ nét ở các ngành không phân loại cụ thể (khác), sản phẩm điện tử và máy móc thiết bị. Trong khi các ngành hàng khác không tăng trưởng hoặc tăng trưởng âm, diễn biến tích cực nhất trong tăng trưởng xuất khẩu của khối trong nước đến từ nhóm hàng nông nghiệp và thủy sản, trong đó thủy sản (+13,4%), cà phê (+69,7%) và hạt tiêu (+16,9%).
- Diễn biến trái chiều trong xuất khẩu của hai khu vực cho thấy tác động thuế quan lên xuất khẩu của khối FDI là tích cực vì một phần tăng trưởng xuất khẩu của khối này đến từ việc dịch chuyển thương mại để tránh mức thuế cao của Trung Quốc.

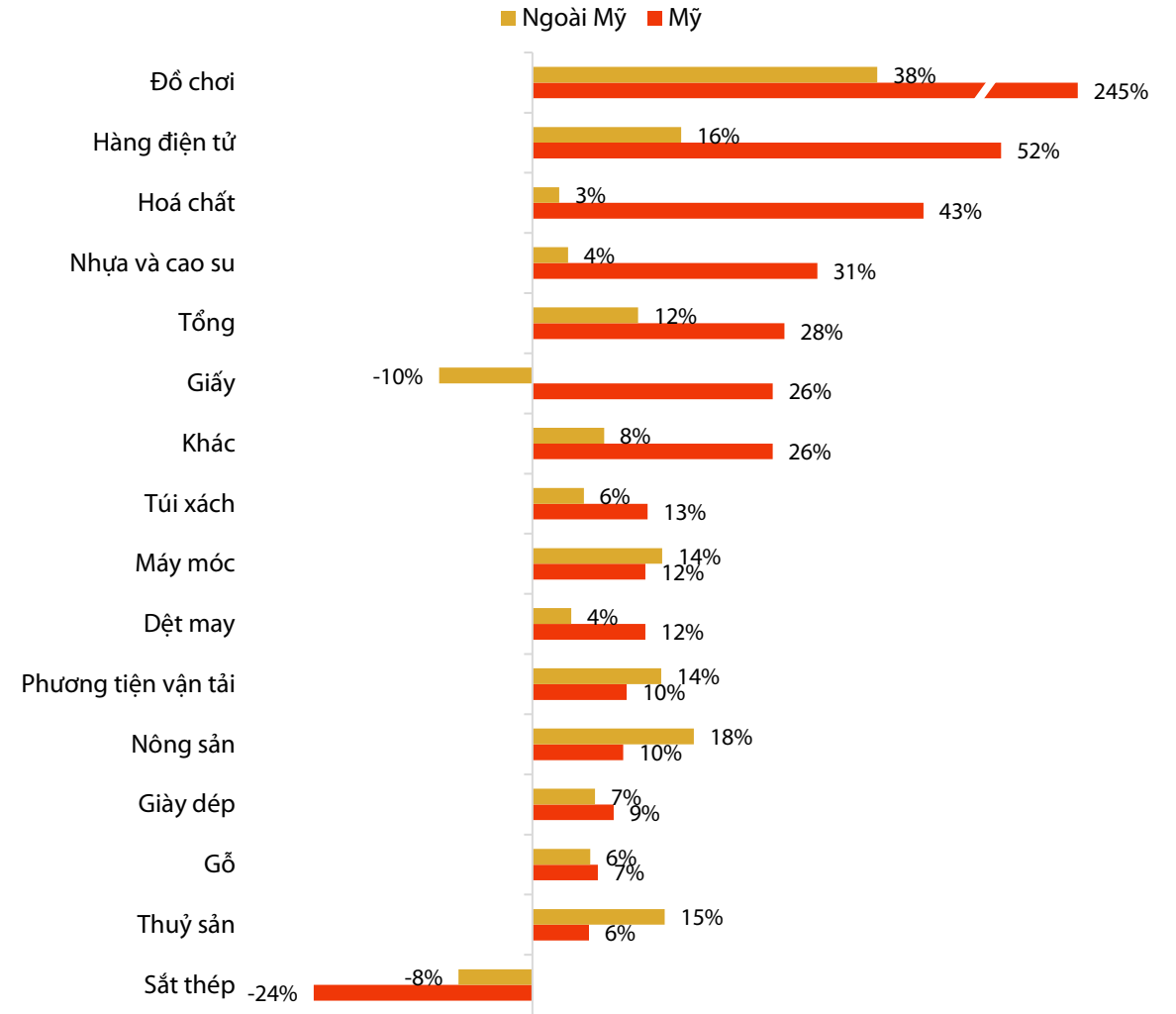
Tăng trưởng xuất khẩu theo thị trường



Nguồn: TCHQ, CTCK Rồng Việt

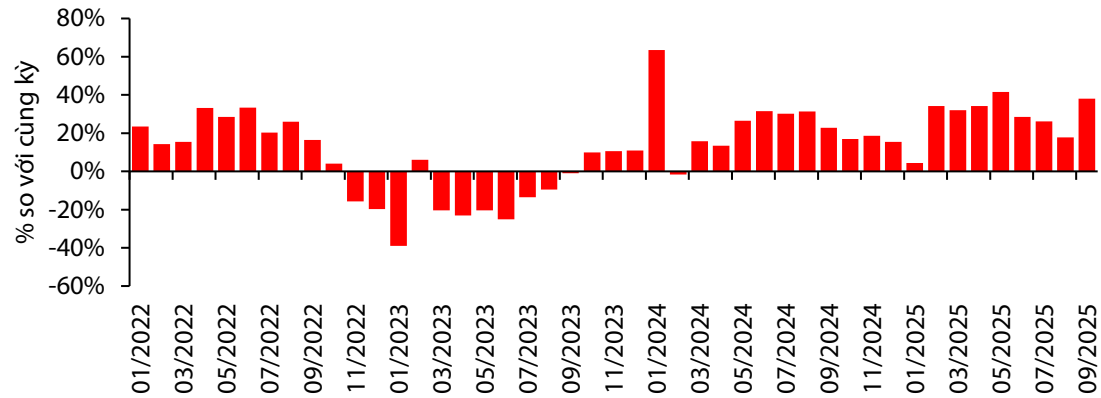
- Xuất khẩu sang thị trường Mỹ tăng 28% so với cùng kỳ và đóng góp 1/2 vào tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam trong 9T2025.
- Xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường còn lại vẫn tương đối bền bỉ (+12% so với cùng kỳ).
- Xuất khẩu sang thị trường Mỹ trong 9T2025 tăng mạnh nhất ở các mặt hàng như đồ chơi, hàng điện tử, hoá chất, nhựa và cao su.
- Xuất khẩu sang thị trường Mỹ những mặt hàng còn lại ghi nhận tăng trưởng nhưng không có khác biệt đáng kể so với thị trường ngoài Mỹ, chẳng hạn như dệt may, máy móc, gỗ và thủy sản.

Tăng trưởng xuất khẩu theo mặt hàng



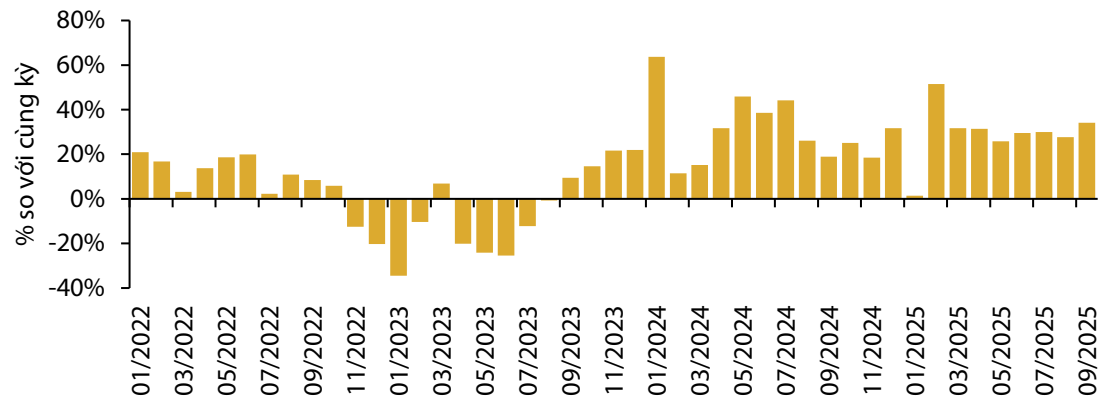
Nguồn: TCHQ, CTCK Rồng Việt

Tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tăng 28%



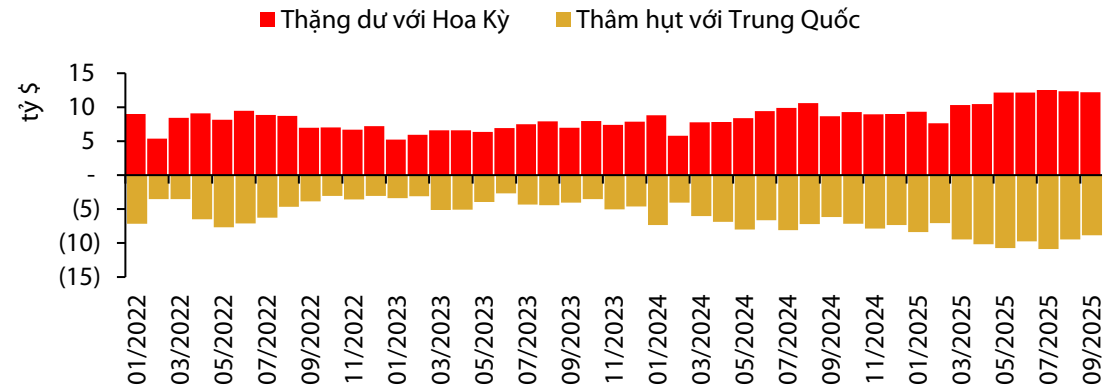
Nguồn: TCHQ, CTCK Rông Việt

Tăng trưởng nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc tăng 28%



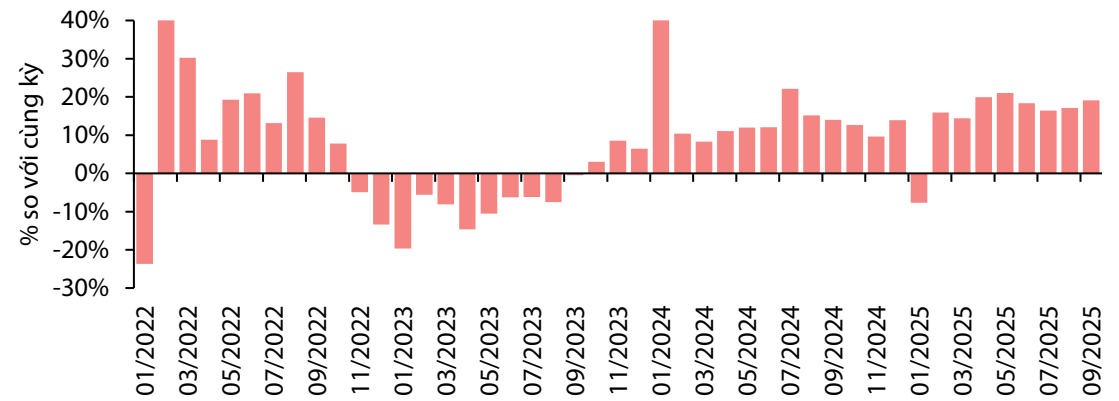
Nguồn: TCHQ, CTCK Rông Việt

Thặng dư thương mại Việt Nam – Mỹ tăng 28%, thâm hụt thương mại Việt Nam – Trung Quốc tăng 40%



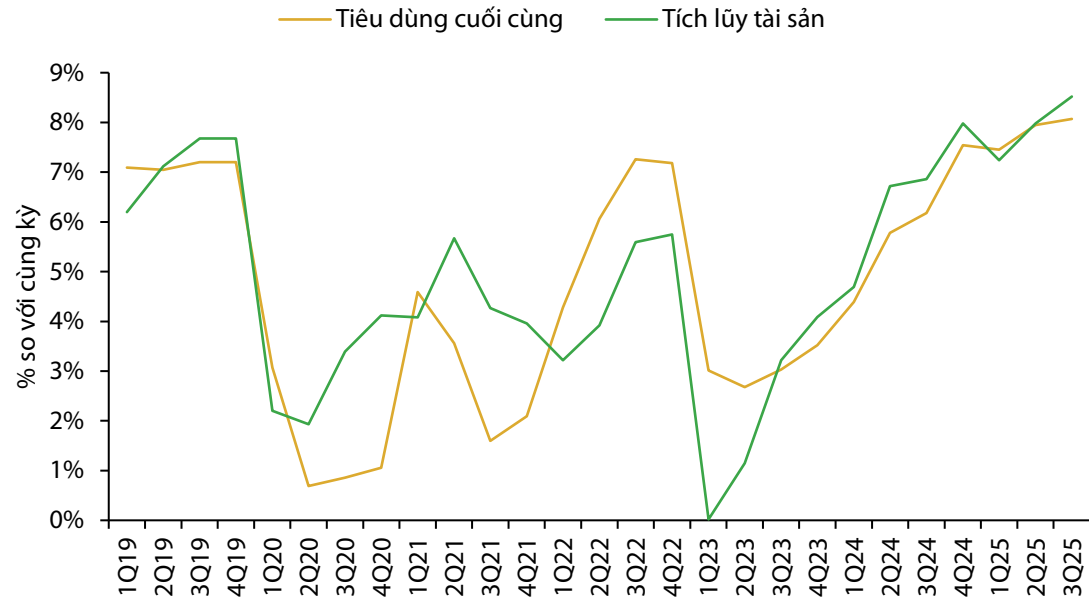
Nguồn: TCHQ, CTCK Rông Việt

Tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường ngoài Hoa Kỳ tăng 12%



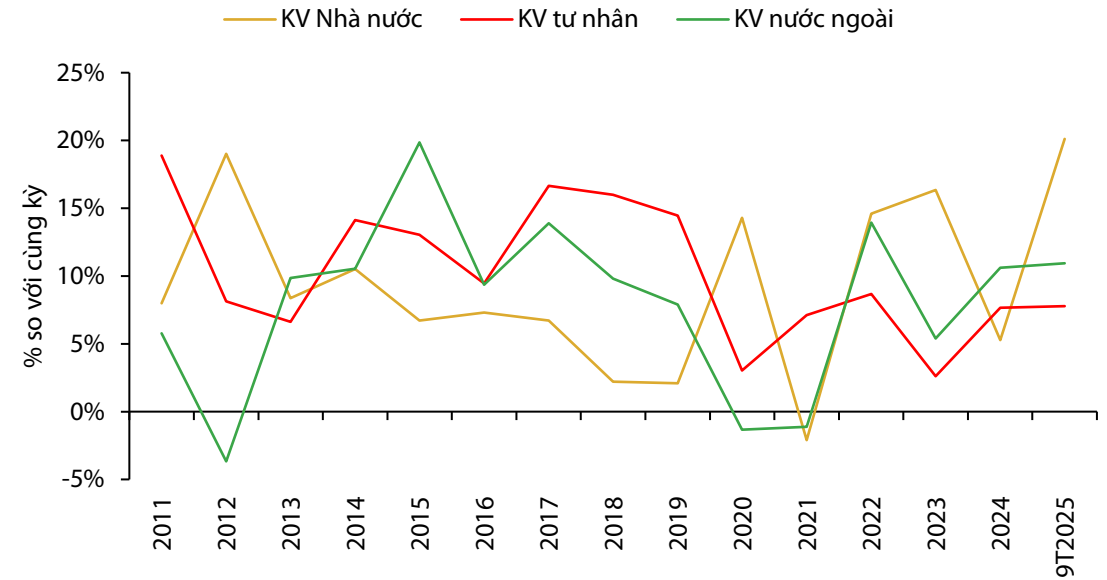
Nguồn: TCHQ, CTCK Rông Việt

Tăng trưởng GDP theo tiêu dùng – đầu tư



Nguồn: TCTK, CTCK Rồng Việt

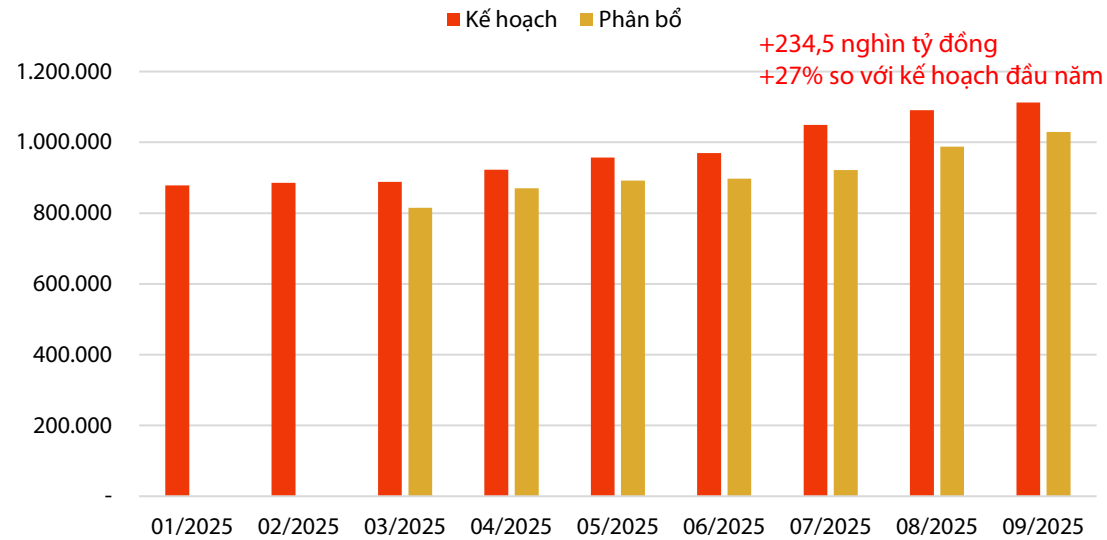
Tăng trưởng vốn đầu tư theo khu vực



Nguồn: TCTK, CTCK Rồng Việt

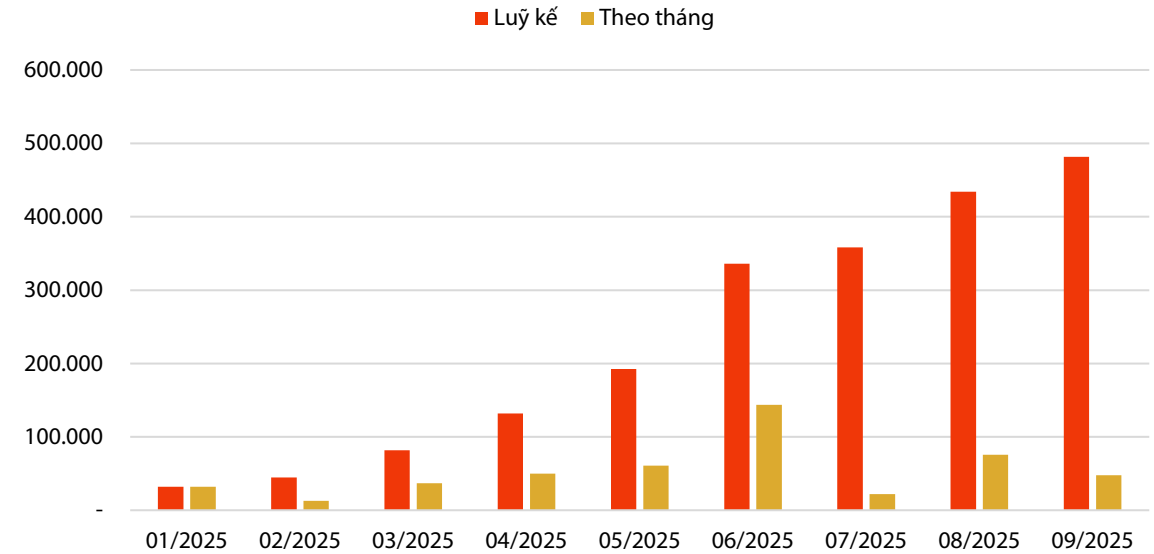
- **Đầu tư dẫn dắt tăng trưởng.** Xét theo góc độ sử dụng, tăng trưởng GDP đến từ tích lũy tài sản tăng 8,5% so với cùng kỳ, cao hơn tăng trưởng GDP đến từ tiêu dùng và tăng trưởng GDP chung trong 9T2025. Tăng trưởng từ tích lũy tài sản trong 9T2025 đóng góp hơn 39% vào tăng trưởng chung, cao hơn mức đóng góp trung bình 30% trong giai đoạn 2022-2024.
- Vốn đầu tư toàn xã hội đạt 2,7 triệu tỷ đồng trong 9T2025 (~29,5% GDP, thấp hơn mức 29,8% của cùng kỳ và mục tiêu 33,5% trong năm 2025 của Chính phủ). Trong đó, vốn đầu tư thuộc NSNN đạt 550,1 nghìn tỷ đồng với tăng trưởng vượt trội là 27,8% so với cùng kỳ. Trong khi đó, vốn đầu tư của khu vực tư nhân lần lượt là 1,4 triệu tỷ đồng và 462,1 nghìn tỷ đồng, tăng lần lượt 7,8% và 11,2% so với cùng kỳ. **Tăng trưởng vốn đầu tư của khu vực FDI và Nhà nước bám sát mục tiêu, trong khi đó, đầu tư của khu vực tư nhân vẫn còn cách khá xa so với kỳ vọng của Chính phủ.**

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

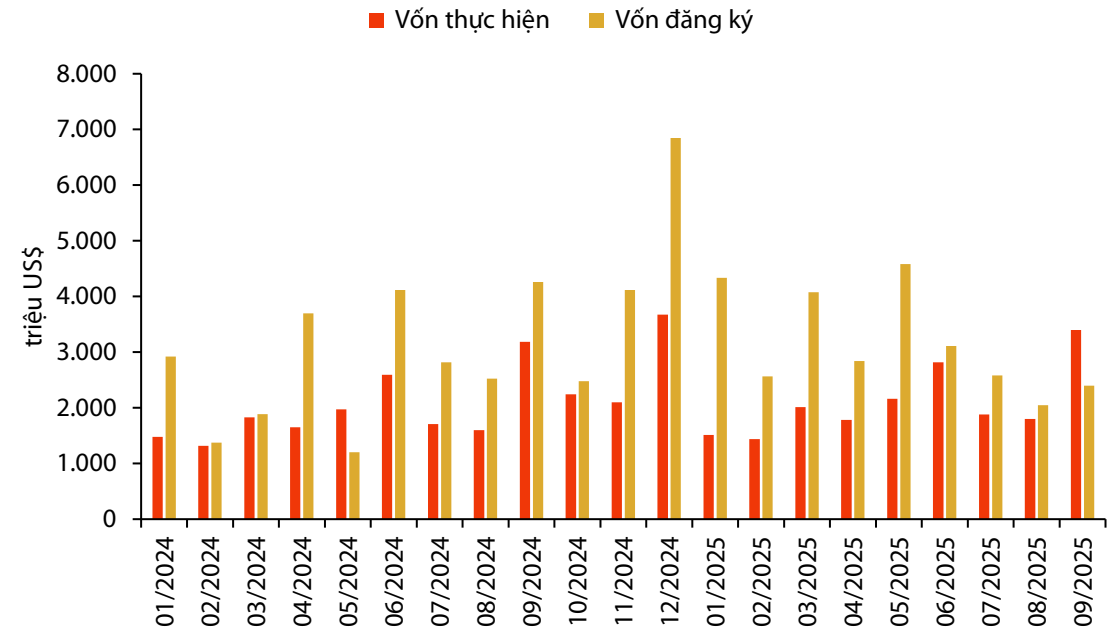
Quy mô giải ngân vốn đầu tư công theo tháng (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

- **Giải ngân vốn đầu tư công trong tháng 9** ước đạt 47,6 nghìn tỷ đồng, chỉ bằng ½ kế hoạch TTg CP giao. Luỹ kế 9T2025, vốn đầu tư công giải ngân ước đạt 481,6 nghìn tỷ đồng, ~43% tổng kế hoạch và tăng khoảng 48% so với cùng kỳ.
- **Tốc độ giải ngân trong Q3 chậm hơn đáng kể so với Q2.** Bên cạnh những khó khăn trước đây về cơ chế chính sách (hỗ trợ tái định cư, xác định giá đất đền bù, điều chỉnh quy hoạch/kế hoạch vốn) và nguồn cung nguyên vật liệu, hai nguyên nhân bổ sung khiến tốc độ giải ngân chậm lại là: 1. Bộ máy chưa vận hành trơn tru sau khi sắp xếp lại chính quyền địa phương hai cấp, và 2. Điều kiện thời tiết không thuận lợi ảnh hưởng đến tiến độ thi công.
- Trong Q4/2025, để hoàn thành mục tiêu giải ngân 100% kế hoạch TTg CP giao, **quy mô giải ngân vốn đầu tư dự kiến sẽ khoảng 403 nghìn tỷ đồng, tương đương bình quân 134 nghìn tỷ đồng/tháng**, cao hơn khoảng 25% so với tốc độ giải ngân bình quân tháng của Q4 trong 3 năm gần nhất (2022-2024).

Vốn FDI thực hiện và đăng ký theo tháng



Nguồn: TCTK, CTCK Rõng Việ

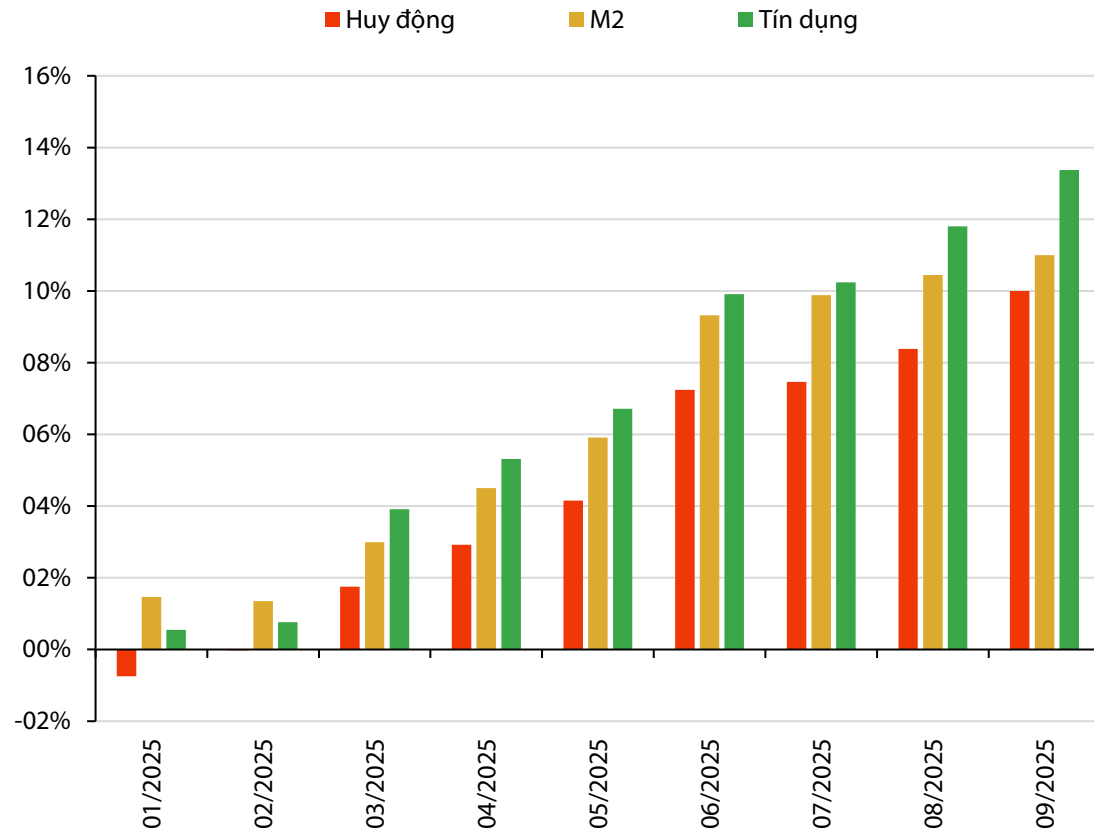
- Vốn FDI giải ngân duy trì là điểm sáng.** Vốn FDI thực hiện trong Q3/2025 đạt khoảng 7,1 tỷ USD, tăng 9,0% so với cùng kỳ, tương đương mức tăng trưởng của Q2. Luỹ kế 9T2025, vốn FDI giải ngân đạt 18,8 tỷ USD, tăng 8,5% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn giải ngân lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 15,6 tỷ USD.
- Trong khi đó, thu hút FDI giảm dần.** Trong Q3, thu hút FDI chỉ đạt 7 tỷ USD, giảm 26,8% so với cùng kỳ, thấp hơn đáng kể mức tăng 34,7% trong Q1 và 16,9% trong Q2. Luỹ kế 9T2025, vốn FDI đăng ký đạt 28,5 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn đăng ký và tăng thêm vào lĩnh vực công nghiệp, chế biến chế tạo không tăng trưởng. Đồng thời, vốn thu hút từ Trung Quốc, Hồng Kông và Đài Loan cũng không khác biệt so với năm trước.

Tăng trưởng vốn FDI theo lĩnh vực và đối tác

	Trước ngày 02/04	9T2025
Vốn đăng ký và tăng thêm	29%	12%
Theo đối tác		
- Trung Quốc	47%	2%
- Khác	24%	16%
Theo lĩnh vực		
- Lĩnh vực sản xuất	65%	0%
- BĐS	46%	45%
- Khác	-52%	34%
Vốn thực hiện	7%	9%

Nguồn: BTC, CTCK Rõng Việ

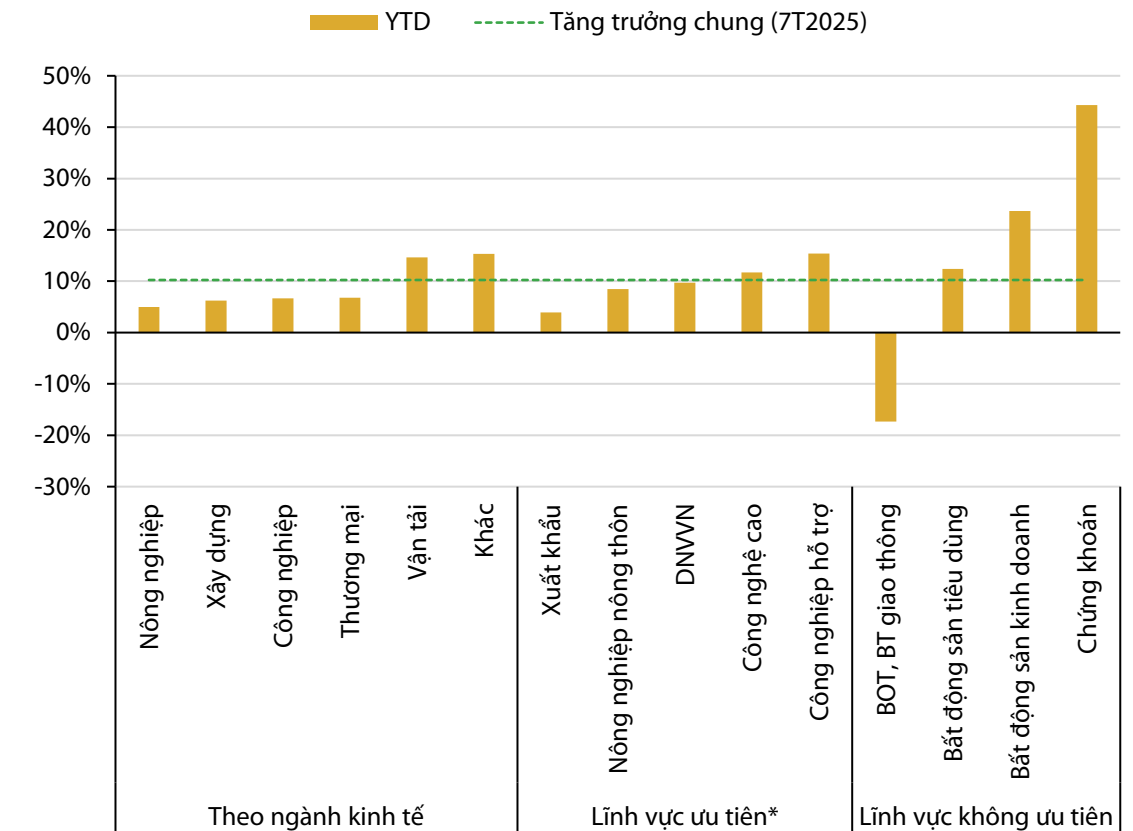
Tăng trưởng tín dụng, huy động và M2



Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt

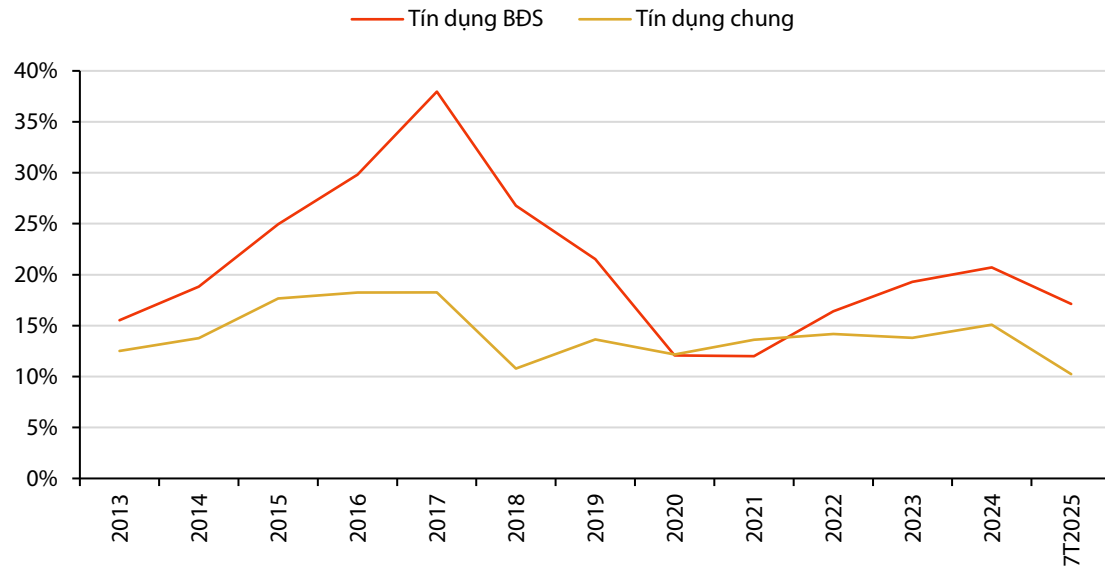
- Tín dụng mở rộng mạnh mẽ trong 9T2025**, tăng 19,6% so với cùng kỳ. Huy động vốn và M2 dù tăng chậm hơn nhưng vẫn ở mức khá cao so với các năm trước, lần lượt tăng 15,5% và 17,3%.
- Không có một sự gia tăng đồng loạt trong tín dụng các ngành.** Dòng chảy tín dụng đặc biệt tăng mạnh ở lĩnh vực chứng khoán và bất động sản kinh doanh.

Tăng trưởng tín dụng theo lĩnh vực



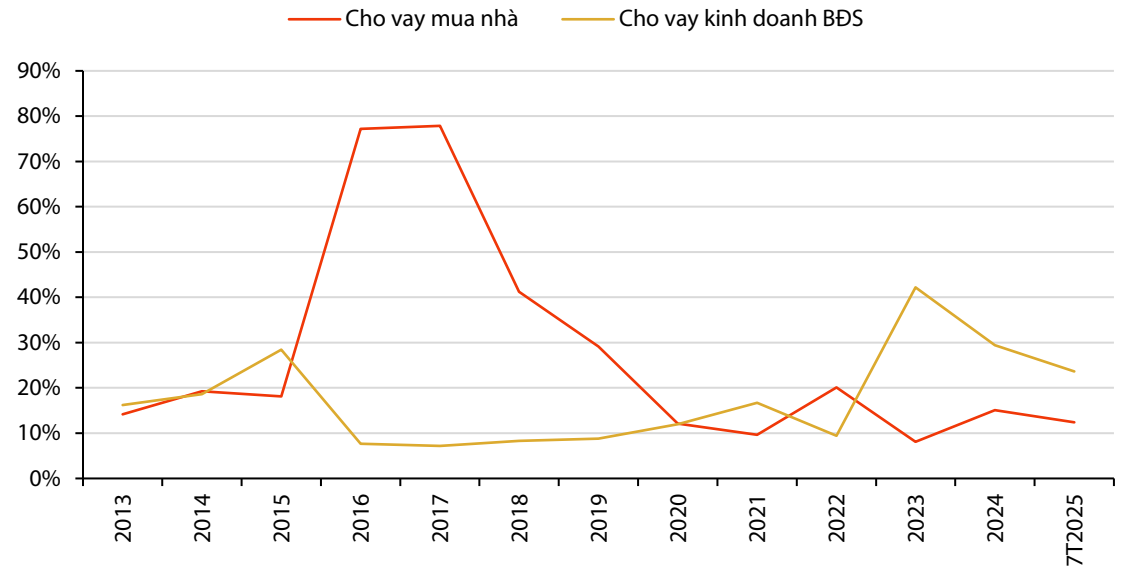
Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt, * và tín dụng cho BOT, BT giao thông: tính đến cuối tháng 6/2025

Tăng trưởng tín dụng BĐS so với tăng trưởng tín dụng chung



Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt, 7T2025: so với cuối năm 2024

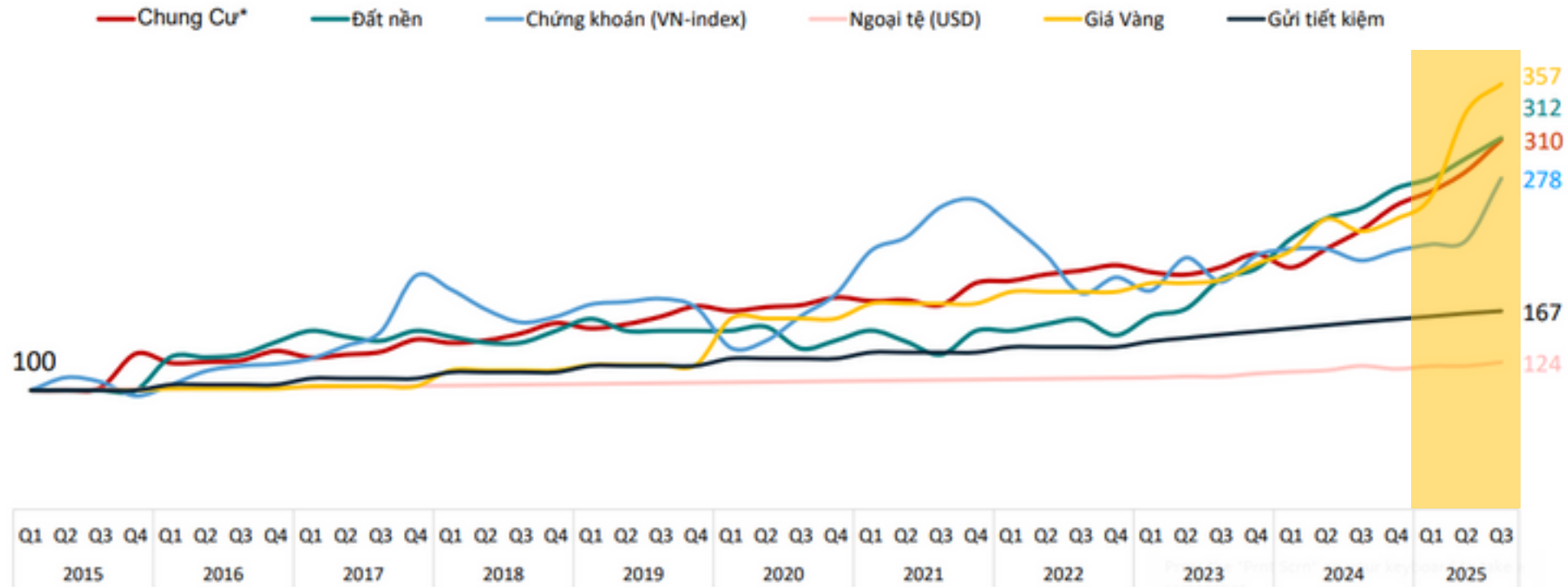
Tăng trưởng tín dụng BĐS theo đối tượng



Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt, 7T2025: so với cuối năm 2024

- Tăng trưởng tín dụng BĐS vượt tăng trưởng tín dụng chung trong 7T2025, mặc dù mức độ lệch pha chưa phải mức cao kỷ lục như giai đoạn 2017-2018. Tăng trưởng tín dụng chung đạt 10,2% so với cuối năm 2024, trong khi tăng trưởng tín dụng BĐS là 17,1%.
- Ngay trong cơ cấu tăng trưởng tín dụng BĐS, **tăng trưởng tín dụng cho vay kinh doanh BĐS tăng mạnh hơn tăng trưởng tín dụng cho vay mua nhà ở**. Điểm này hoàn toàn đối lập với giai đoạn 2017-2018. Tăng trưởng tín dụng cho vay kinh doanh BĐS đạt 23,7%, trong khi tín dụng cho vay mua nhà ở chỉ tăng 12,4%.
- Tín dụng cho vay kinh doanh BĐS cũng có sự phân hoá khi tăng trưởng cho vay dành cho các dự án phát triển nhà ở ghi nhận mức tăng vượt trội so với cho vay các hình thức kinh doanh BĐS khác (+29,0% so với đầu năm 2024, tính đến cuối tháng 5/2025).

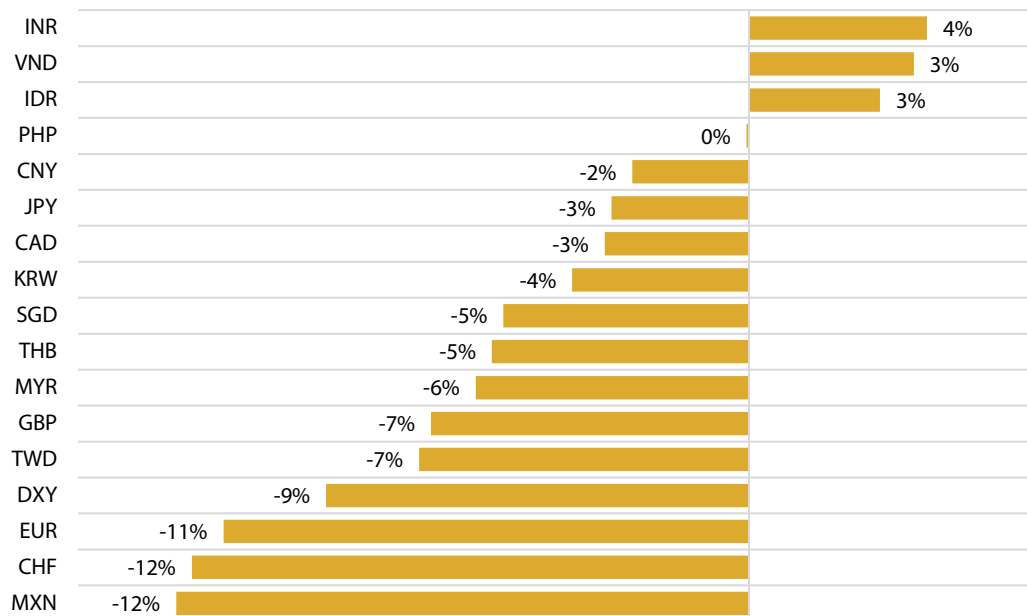
TSSL một số kênh đầu tư phổ biến (2015-2025, Q12015 = 100)



Nguồn: batdongsan.com.vn, CTCK Rồng Việt

- Kênh đầu tư vàng trong "cơn say" của cả thế giới kèm với việc thiếu cung trong nước đã trở thành kênh tăng giá mạnh nhất trong năm 2025.
- Sự mất cân đối trên thị trường nhà ở, sự đình trệ pháp lý nhiều dự án bất động sản và thay đổi chính sách giá đất trong bối cảnh nỗi lòng tiền tệ đã dẫn đến sự tăng giá mạnh của giá bất động sản.
- Chứng khoán (với đại diện là chỉ số VN-Index) cũng tăng mạnh, phù hợp với chính sách nỗi lòng tiền tệ kèm với các kỳ vọng về nâng hạng thị trường và thúc đẩy tăng trưởng.

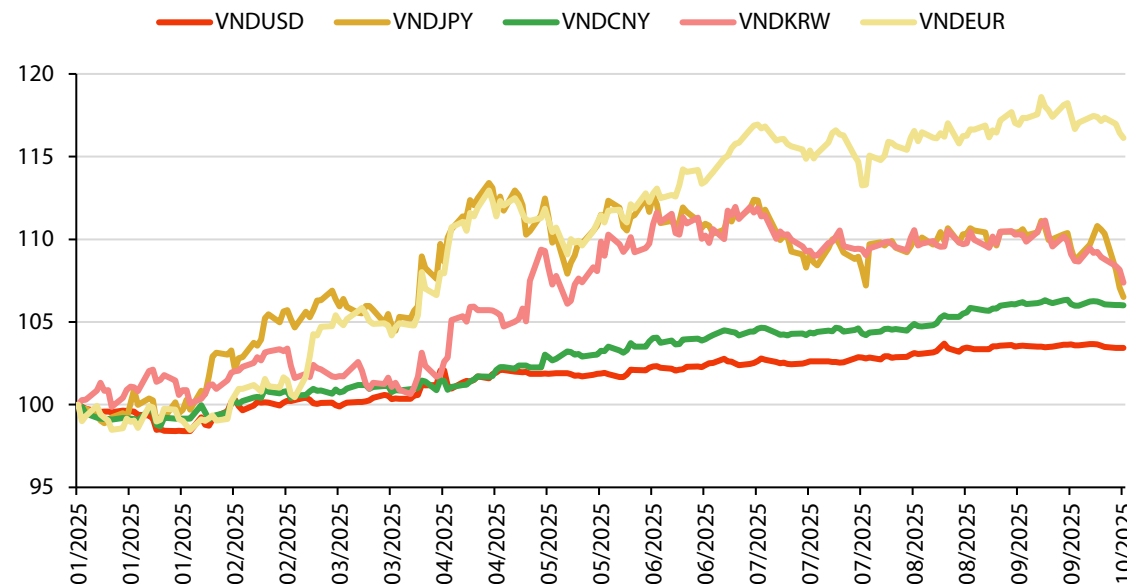
Thay đổi các cặp tỷ giá so với USD từ đầu năm đến nay



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt, tính đến ngày 10/08/2025

- **Tiền đồng là một trong số ít những đồng tiền bị mất giá so với USD trong năm 2025**, với mức mất giá khoảng 3% trong bối cảnh chỉ số DXY giảm khoảng 9%. So với các đối tác thương mại lớn, tiền đồng mất giá 16,1% so với EUR, 6,5% so với JPY, 6,0% so với CNY và 7,4% so với KWR.
- Trong 6T2025, dự trữ ngoại hối của Việt Nam tiếp tục giảm khoảng 1,5 tỷ USD trong điều kiện thâm hụt thương mại của khối trong nước tăng nhẹ, giải ngân FDI và kiều hối ổn định.
- Gần đây, NHNN thực hiện can thiệp kỹ thuật thông qua việc bán ngoại tệ có kỳ hạn cho các NHTM với quy mô khoảng 2,8 tỷ USD. Với dự trữ ngoại hối mỏng, nhu cầu ngoại tệ được dồn sang năm sau phần nào giúp trì hoãn áp lực tỷ giá trong ngắn hạn. Ngoài ra, các chính sách mới về thị trường vàng (Nghị định 232) và tài sản mã hoá (Nghị quyết 05) kỳ vọng cũng giúp giảm bớt áp lực tỷ giá trong các tháng còn lại của năm 2025 thông qua việc kiểm soát dòng ngoại tệ không chính thống chảy vào các tài sản này.

Tương quan tiền đồng với các đồng tiền của đối tác thương mại lớn



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

	Mục tiêu 2025	Dự báo 2025	Mục tiêu 2026
Tăng trưởng GDP	8,3-8,5%	8,1%	10,0%
- Nông lâm thủy sản	3,9%	4,3%	3,9%
- Công nghiệp xây dựng	9,8-10,1%	8,8%	11,4%
- Dịch vụ	8,5-8,6%	8,4%	10,9%
- Thuế trừ trợ cấp sản phẩm	6,4-6,7%	7,8%	7,0%
Lạm phát	< 4%	3,5%	5,0%

	2021-2025	2026-2030
Tăng trưởng GDP	6,2%	> 10%
Tỷ trọng dịch vụ	43,7%	> 50%
Tỷ trọng công nghiệp – xây dựng	36,5%	> 40%
Tỷ trọng nông lâm thủy sản	10,7%	< 10%
Năng suất lao động	4,8% (2021-2024)	8,5%
Đóng góp của TFP vào tăng trưởng	40,8% (2021-2024)	> 55%
Tỷ trọng của kinh tế số	18,3% (2024)	30%
Tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GDP	40,0%	33,5%

Nguồn: BTC, Nghị quyết số 306/NQ-CP của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, CTCK Rong Việt



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT



Tầng 1 đến Tầng 8, Toà nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh



www.vdsc.com.vn



RONGVIET SECURITIES CORPORATION (VDSC)

**DỊCH VỤ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025**
GIẢI THƯỞNG GLOBAL BANKING & FINANCE

Kiến tạo tương lai thịnh vượng